

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành mới ban hành, được thay thế, sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 14/TTr-SCT ngày 10 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các thủ tục hành chính từ số 16 đến 24 tại Khoản III, Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Bộ Công Thương (để b/cáo);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (để b/cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn thông Kon Tum (để p/hợp);
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục:

Sở Công Thương

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 73 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH: 01 TTHC

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước: 01 TTHC									
1	1.010696.00 0.00.00.H34	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương.	X		X

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ: 09 TTHC

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước: 09 TTHC									
1	2.000648.00 0.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/6/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương	x	Mức độ 4	x

2	2.000645.00 0.00.00.H34	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương	x	Mức độ 4	x
3	2.000647.00 0.00.00.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	x	Mức độ 4	x

					50% phí thẩm định.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương 			
4	2.000673.00 0.00.00.H34	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>Phí thẩm định:</p> <p>1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương 	x	Mức độ 3	x
5	2.000669.00 0.00.00.H34	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>Phí thẩm định:</p> <p>1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; 	x	Mức độ 4	x

		bán lẻ xăng dầu			đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương 			
6	2.000672.00 0.00.00.H34	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương 	x	Mức độ 3	x

7	2.000674.00 0.00.00.H34	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương	x	Mức độ 3	x
8	2.000666.00 0.00.00.H34	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	x	Mức độ 4	x

						<p>- Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương</p>			
9	2.000664.00 0.00.00.H34	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>Phí thẩm định:</p> <p>1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.</p>	<p>- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/06/2020 của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương</p>	x	Mức độ 3	x

Tổng cộng: 10 Thủ tục hành chính